



**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

-----

**VÕ THỊ KIỀU OANH**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ**  
**THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ**  
**QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SỸ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

**Mã số: 60.34.02.01**

**Đà Nẵng - Năm 2017**

Công trình được hoàn thành tại  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Đinh Bảo Ngọc**

**Phản biện 1: PGS. TS. Lâm Chí Dũng**

**Phản biện 2: PGS. TS. Đỗ Phi Hoài**

Luận văn được bảo vệ trước hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính ngân hàng họp tại Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 7 tháng 3 năm 2017.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin – học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế không chỉ đơn thuần là một nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước mà thuế còn gắn liền với các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế, về sự công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Điều đó đòi hỏi Nhà nước phải luôn quan tâm đến công tác quản lý thuế: công tác quản lý thuế nên thường xuyên được hoàn thiện, đổi mới, từng bước hiện đại hoá nhằm quản lý, khai thác kịp thời, hiệu quả các nguồn thu phát sinh về nghĩa vụ thuế ở các khu vực kinh tế. Đặc biệt đối với thuế TNDN, sắc thuế đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, nhưng cũng tồn đọng không ít vấn đề về gian lận thuế, trốn thuế dưới nhiều hình thức tinh vi, khó phát hiện dẫn đến con số thất thoát về thuế TNDN cũng như NSNN ngày càng lớn, đó là vấn đề chung đang được quan tâm ở tất cả các nước không chỉ ở Việt Nam.

Cẩm Lệ là một quận mới của Thành phố Đà Nẵng, hàng năm đóng góp hơn 200 tỷ đồng vào NSNN, với số lượng lớn doanh nghiệp trên địa bàn và con số này đang ngày càng tăng nhanh thì công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng là một trong những vấn đề đáng được quan tâm hàng đầu. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN là một đòi hỏi cấp thiết, là một nhiệm vụ trọng tâm của Chi cục thuế Quận Cẩm Lệ trong giai đoạn hiện nay. Việc đi sâu nghiên cứu công tác quản lý thu thuế TNDN sẽ góp phần làm lành mạnh hoá hoạt động tài chính, đầu tư và tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của chính sách thuế. Với lý do đó, đề tài ***“Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng”*** có ý nghĩa

thiết thực cả về lý luận và thực tiễn.

Trước đây có rất nhiều đề tài nghiên cứu về vấn đề này song chưa có đề tài nào đi sâu vào công tác quản lý thuế TNDN tại địa bàn quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Luận văn này sẽ tiếp tục dựa trên những nghiên cứu qua các năm ở các tỉnh và Thành phố khác để đi vào phân tích, đánh giá nhưng đồng thời cũng dựa vào tình hình, đặc điểm của quận Cẩm Lệ cũng như những đổi mới của ngành, của thành phố trong giai đoạn hiện nay để mang lại tính thực tiễn cho đề tài.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về thuế TNDN, nội dung quản lý thuế TNDN để làm cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý và đề xuất giải pháp. Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ, chỉ ra những kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác quản lý thuế đối với các DN. Đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ trong thời gian đến.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: cơ sở lý luận về công tác quản lý thuế TNDN và thực tiễn công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ.

- Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: đề tài tập trung phân tích, đánh giá công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ;

Về không gian, thời gian: nghiên cứu được thực hiện tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ. Khoảng thời gian nghiên cứu từ năm 2012-2016.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nói trên, luận văn đã sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh, phân tích để đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ.

#### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia làm 3 chương bao gồm:

Chương I: Một số vấn đề lý luận về quản lý Thuế TNDN

Chương II: Thực trạng công tác quản lý Thuế TNDN tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Chương III: Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý Thuế TNDN tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

#### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Vấn đề quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng được nhiều nhà khoa học và các nhà quản lý quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và trực tiếp về quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ.

# CHƯƠNG 1

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### 1.1. TỔNG QUAN VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

#### 1.1.1. Khái niệm về Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là một loại thuế trực thu đánh vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh trong kỳ.*

#### 1.1.2. Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp

Là một loại thuế mang tính chất trực thu thể hiện ở sự đồng nhất giữa đối tượng người nộp thuế và đối tượng chịu thuế.

#### 1.1.3. Vai trò của Thuế thu nhập doanh nghiệp

- + Là khoản thu quan trọng của NSNN
- + Là công cụ quan trọng của nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế
- + Là công cụ của Nhà nước thực hiện chính sách công bằng xã hội

#### 1.1.4. Các yếu tố cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp

##### a. Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp).

##### b. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[ \text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right]$$

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế xác định như sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left[ \begin{array}{ccc} \text{Doanh Thu} & - & \text{Chi phí được trừ} & + \end{array} \right] \text{ Các khoản thu nhập khác}$$

- Thuế suất: thuế suất thuế TNDN phổ thông ở Việt Nam hiện nay là 20%.

### *c. Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp*

$$\begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \left[ \begin{array}{ccc} \text{Thu nhập} & - & \text{Phần trích lập} \\ \text{tính thuế} & & \text{quỹ KH\&CN} \end{array} \right] \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}$$

## **1.2. QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

### **1.2.1. Khái niệm quản lý Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Quản lý Thuế TNDN là hoạt động tổ chức, điều hành và giám sát của cơ quan thuế nhằm đảm bảo người nộp thuế chấp hành nghĩa vụ nộp thuế TNDN vào NSNN.

### **1.2.2. Mục tiêu, nguyên tắc quản lý Thuế TNDN**

*Mục tiêu quản lý thuế TNDN:*

Nhằm quản lý nguồn thu từ thuế TNDN vào NSNN bằng pháp luật thông qua việc quy định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế và của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý thuế TNDN; đảm bảo tính công bằng, hiệu quả trong quản lý thu thuế, tạo điều kiện cho người nộp thuế nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế TNDN vào NSNN.

*Nguyên tắc quản lý thuế TNDN:*

### **1.2.3. Đặc điểm của quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **1.2.4. Nội dung quản lý Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

#### **a. Lập dự toán thu thuế**

Tổng cục thuế giao kế hoạch thu thuế cho các Cục Thuế, Cục

Thuế giao nhiệm vụ thu NSNN cho các Chi cục Thuế, các Chi cục thuế tổ chức thực hiện dự toán này.

***b. Quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế***

Với số lượng NNT lớn và tăng nhanh thì công tác đăng ký thuế là công tác được quan tâm đầu tiên và đóng vai trò quan trọng trong quy trình quản lý thuế, nếu DN kinh doanh nhưng không tiến hành đăng ký, kê khai, nộp thuế sẽ là một thất thu lớn cho NSNN.

***c. Thanh tra, kiểm tra thuế***

Thanh tra, kiểm tra thuế theo quy trình cụ thể, từ việc nghiên cứu, phân tích hồ sơ khai thuế, chọn những hồ sơ khai thuế có dấu hiệu bất thường, rủi ro cao để lập kế hoạch và tiến hành thanh tra, kiểm tra.

***d. Quản lý nợ***

Công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế này có vai trò quan trọng trong việc nâng cao ý thức nộp thuế của NNT nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tiền thuế vào NSNN.

***e. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế***

Để tuyên truyền chính sách thuế đến NNT cơ quan thuế có thể sử dụng nhiều hình thức khác nhau như: tuyên truyền qua trang thông tin điện tử, tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông...và để hỗ trợ giải quyết những vướng mắc về thuế trong quá trình thực hiện của NNT, cơ quan thuế nên: tổ chức tập huấn cho NNT, tổ chức đối thoại với NNT ...

**1.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.**

***a. Mức độ thực hiện dự toán thuế TNDN***

Đánh giá mức độ thực hiện dự toán thuế TNDN thông qua các chỉ tiêu sau:



*Tổng thu thuế TNDN qua các năm*

$$\text{Tỷ lệ thực hiện so với dự toán} = \frac{\text{Số thu đã thực hiện tại thời điểm 31/12/N}}{\text{Số thu NSNN dự toán tại năm N}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ lệ thực hiện so với năm trước} = \frac{\text{Số thu đã thực hiện tại thời điểm 31/12/N}}{\text{Số thu đã thực hiện tại thời điểm 31/12/N-1}} \times 100\%$$

***b. Kết quả công tác quản lý kê khai thuế TNDN***

Số vi phạm về chậm đăng ký MST, chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định... sẽ ảnh hưởng đến việc kê khai, nộp thuế đúng hạn của NNT.

***c. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra***

Đánh giá kết quả công tác thanh tra, kiểm tra thông qua các chỉ tiêu sau:

$$\text{Tỷ lệ DN sai phạm qua thanh tra, kiểm tra} = \frac{\text{Số DN phát hiện có sai phạm}}{\text{Số DN đã kiểm tra}}$$

$$\text{Tỷ lệ số thuế TNDN truy thu sau thanh tra, kiểm tra} = \frac{\text{Tổng số thuế TNDN truy thu sau thanh tra, kiểm tra}}{\text{Tổng thu thuế TNDN trong năm}} \times 100\%$$

***d. Kết quả công tác quản lý nợ thuế TNDN***

Đánh giá kết quả công tác quản lý thuế thông qua các chỉ tiêu sau:

$$\text{Tỷ lệ tăng nợ thuế qua các năm} = \frac{\text{Tổng nợ thuế tại năm N - Tổng nợ thuế tại năm N-1}}{\text{Số nợ thuế tại năm N-1}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ lệ nợ thuế TNDN/ tổng nợ thuế} = \frac{\text{Tổng nợ thuế tại năm N-1}}{\text{Tổng nợ thuế tại năm N}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ lệ nợ thuế TNDN/ tổng thu thuế TNDN} = \frac{\text{Số nợ thuế TNDN tại năm N}}{\text{Tổng thu thuế TNDN tại năm N}} \times 100\%$$

***e. Chất lượng dịch vụ cung cấp cho người nộp thuế***

CQT xây dựng một số tiêu chí đánh giá về: thái độ của công chức thuế khi tiếp xúc, giải quyết công việc; cơ sở vật chất; về công khai công vụ; quy trình giải quyết hồ sơ; thủ tục hành chính; thời gian giải quyết hồ sơ; thu phí, lệ phí theo quy định đã niêm yết; cơ chế giám sát, góp ý; là một trong nhiều tiêu chí để tiến hành thăm dò sự thoả mãn của NNT.

**1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CƠ QUAN THUẾ**

**1.3.1. Các nhân tố bên trong**

- a. Bộ máy quản lý của cơ quan thuế***
- b. Trình độ chuyên môn của cán bộ thuế***
- c. Cơ sở vật chất của cơ quan thuế***

**1.3.2. Các nhân tố bên ngoài**

- a. Chính sách thuế TNDN***
- b. Đặc điểm kinh tế- xã hội và đặc điểm hoạt động của các DN trên địa bàn***

- c. Ý thức chấp hành pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế***

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **2.1. KHÁI QUÁT VỀ CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Chi cục thuế quận Cẩm Lệ**

Năm 2005 Chi cục thuế quận Cẩm Lệ được thành lập, là một đơn vị hành chính nhà nước thuộc hệ thống ngành thuế theo quyết định số 3013/QĐ-BTC ngày 05/9/2005 của Bộ Tài chính, có trụ sở tại số 08 Nguyễn Nhân, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

##### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy Chi cục thuế quận Cẩm lệ**

Với biên chế hiện nay là 48 người, tổ chức bộ máy của Chi cục thuế quận Cẩm Lệ như sau:

- Chi cục có 1 Chi cục trưởng và 2 Phó Chi cục trưởng.
- Căn cứ vào tình hình thực tế, Chi cục xây dựng mô hình tổ chức quản lý theo chức năng gồm 9 đội chức năng.

##### **2.1.3. Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức thuế**

##### **2.1.4. Cơ sở vật chất, hệ thống thông tin quản lý của cơ quan thuế**

#### **2.2. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ**

##### **2.2.1. Chính sách thuế TNDN của Nhà nước**

Từ khi ra đời luật thuế TNDN đã nhiều lần sửa đổi, bổ sung phù

hợp với tình hình thực tiễn, đảm bảo chính sách ngày càng công khai, minh bạch, đồng bộ hơn, phù hợp hơn với thông lệ quốc tế.

### **2.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội của quận Cẩm Lệ**

Cẩm Lệ là một quận mới của thành phố Đà Nẵng, qua 10 năm kể từ khi thành lập, tình hình kinh tế - xã hội của quận đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

### **2.2.3. Các doanh nghiệp trên địa bàn quận Cẩm Lệ**

Trong 5 năm qua số lượng DN trên địa bàn quận Cẩm Lệ tăng lên đáng kể, số lượng doanh nghiệp năm 2015 là 1.674 và năm 2016 là 2.074 doanh nghiệp tăng 1,24 lần so với năm 2015.

## **2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **2.3.1. Mục tiêu quản lý thuế TNDN của Chi cục thuế quận Cẩm Lệ**

*Phần đầu đạt mục tiêu chung của ngành, cụ thể:*

- Số thu thuế TNDN đóng góp vào NSNN năm sau cao hơn năm trước và vượt dự toán thu thuế TNDN ít nhất 10%.

- Thực hiện rà soát, phân tích hồ sơ của 20% DN đang hoạt động trên địa bàn. Nhiệm vụ kiểm tra đạt tối thiểu 17% trên tổng số DN hoạt động SXKD thuộc đối tượng quản lý thuế.

- Tỷ lệ nợ thuế TNDN trên Tổng số thu thuế TNDN không vượt 5% theo quy định ngành...

*Phần đầu đạt mục tiêu của Chi cục đề ra, cụ thể:* Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho NNT, đảm bảo công tác tổ chức cán bộ hợp lý và phù hợp với mục tiêu đề ra.

### **2.3.2. Thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng**

### ***a. Lập dự toán thu thuế thu nhập doanh nghiệp***

Dự toán được giao cho toàn ngành thuế thành phố Đà Nẵng, dựa vào kết quả thu của các Chi cục Thuế ở năm trước Cục Thuế thành phố Đà Nẵng giao nhiệm vụ thu thuế cho các Chi cục thuế. Dự toán thu thuế TNDN của Chi cục thuế Quận Cẩm Lệ cũng giống như các loại sắc thuế khác cũng được Cục thuế giao chỉ tiêu cụ thể.

#### *Ưu điểm:*

- Với công tác tổ chức thu thuế TNDN, Chi cục giao nhiệm vụ cho từng đội, cán bộ, sát sao theo dõi các khoản thu thuế TNDN theo từng quý, từng năm, từng ngành nghề kinh doanh, rà soát kê khai thuế nhằm khai thác triệt để các khoản thuế TNDN phát sinh trên địa bàn, như vậy việc thực hiện dự toán thu thuế TNDN được dễ dàng, tạo động lực cũng như trách nhiệm cho mỗi cán bộ, mỗi đội hoàn thành nhiệm vụ thu dự toán.

#### *Nhược điểm:*

Phương pháp phân tích và lập dự toán thu còn khá thủ công, lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại; chưa đáp ứng yêu cầu trong hoạch định chính sách.

### ***b. Quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế***

#### *Quy trình:*

Các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thành lập và hoạt động tuân theo Luật doanh nghiệp thì cơ quan đăng ký kinh doanh thành phố Đà Nẵng sẽ hướng dẫn lập và nhận hồ sơ đăng ký mã số doanh nghiệp theo quy định.

Sau khi được cấp MST, NNT thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, trong đó có nộp hồ sơ khai thuế điện tử. Sau khi nộp hồ sơ khai thuế điện tử, hệ thống thông tin quản lý thuế tại Chi cục thuế sẽ tự động kiểm tra, nhận dữ liệu kê khai thuế được chuyển từ hệ thống

khai thuế điện tử của Tổng cục Thuế.

*Ưu điểm:*

- Quy trình Đăng ký thuế có sự phối hợp thực hiện giữa CQT và cơ quan đăng ký kinh doanh đảm bảo việc cấp MST được thực hiện hiệu quả hơn.

- Về kê khai thuế điện tử có nhiều tiện ích cả về thủ tục hành chính và kinh tế.

### ***c. Công tác kiểm tra thuế***

**Kiểm tra thuế tại cơ quan quản lý thuế** được thực hiện thường xuyên nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác của các thông tin trong hồ sơ thuế, sự tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế.

**Kiểm tra thuế tại trụ sở NNT:** Căn cứ kế hoạch kiểm tra theo rủi ro, theo chuyên đề đã được phê duyệt, Đội kiểm tra thuế lập kế hoạch cụ thể, đề ra mức phân đấu thực hiện hàng tháng, quý và Đội kiểm tra giao nhiệm vụ cho từng đoàn kiểm tra.

*Ưu điểm:*

- Việc thực hiện chính sách NNT tự tính, tự kê khai thuế đã phân rõ trách nhiệm giữa cơ quan thuế và NNT, NNT chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai và nghĩa vụ nộp thuế của mình, CQT có trách nhiệm quản lý việc thu nộp thuế, phát hiện những hành vi vi phạm các luật thuế và xử lý theo đúng quy định. Việc kiểm tra dựa trên cơ sở phân tích báo cáo tài chính và tờ khai thuế của các DN sẽ giúp cán bộ phát hiện các sai phạm và nếu nghi ngờ về các sai phạm nghiêm trọng sẽ tiến hành kiểm tra tại cơ sở các DN.

*Nhược điểm:*

- Việc kiểm tra hồ sơ khai thuế chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và khả năng của cán bộ, trình độ cán bộ kiểm tra còn hạn chế so với mức độ gian lận ngày càng tinh vi của DN. Lực lượng kiểm tra còn ít

so với yêu cầu quản lý thuế theo cơ chế tự khai- tự nộp và khối lượng DN cần kiểm tra quá lớn.

#### ***d. Quản lý nợ***

Quy trình quản lý nợ bao gồm: xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ, đơn đốc thu và xử lý tiền thuế nợ.

Nội dung và trình tự thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế là phải áp dụng lần lượt các biện pháp cưỡng chế, các biện pháp cưỡng chế thuế TNDN bao gồm:

Biện pháp 1: Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Biện pháp 2: Cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên.

Biện pháp 3: Cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ.

Biện pháp 4: Cưỡng chế bằng biện pháp đình chỉ sử dụng hóa đơn

Biện pháp 5: Thu hồi mã số thuế

Biện pháp 6: Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.

#### ***Ưu điểm:***

- Đã phối hợp với đội kiểm tra đơn đốc và thu hồi tiền thuế mới phát sinh sau kiểm tra tránh để tình trạng nợ đọng, nợ khó đòi. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, công tác đơn đốc nợ được thực hiện thường xuyên đảm bảo công tác thu nợ được hoàn thành tốt.

#### ***Nhược điểm:***

- Công tác nợ ở tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ là công tác phối hợp từ đội kiểm tra đến đội quản lý nợ cho nên việc đưa ra chỉ tiêu

giảm nợ cho đội quản lý nợ chỉ là tương đối và bất cập lớn nhất hiện nay là việc phát sinh nợ ảo khi hệ thống TMS tự động ghi nhận, tạo áp lực rất lớn cho ngành trong việc thực hiện chỉ tiêu giảm nợ.

***e. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế***

Thời gian qua, công tác tuyên truyền - hỗ trợ người nộp thuế của Chi cục thuế quận Cẩm Lệ đã được thực hiện tốt thông qua nhiều hình thức như: triển khai trực tiếp, gửi văn bản thông tin đến người nộp thuế, thông tin qua Đài Truyền thanh, tuyên truyền tại cơ quan thuế... và trực tiếp giải đáp những thắc mắc liên quan cho các DN.

**2.4. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ**

**2.4.1. Mức độ thực hiện dự toán thuế TNDN**

Kết quả thu ngân sách trên địa bàn quận hằng năm luôn đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, nhiều năm liền đứng đầu thành phố về công tác thu ngân sách, năm 2015 tổng thu đạt 133,9% dự toán và bằng 132,2% so năm 2014, năm 2016 thực hiện 125,5% dự toán và bằng 119,8% năm 2015.

***Bảng 2.2: Kết quả thực hiện dự toán thu thuế TNDN từ năm 2012-2016 tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng***

*Đơn vị: triệu đồng*

Năm	Tổng thu tại Chi cục thuế				Tổng thu thuế TNDN tại Chi cục thuế			
	Dự toán	Thực hiện	So sánh %		Dự toán	Thực hiện	So sánh %	
			Dự toán	Năm trước			Dự toán	Năm trước
2012	156.085	122.397	78,4	96	5.050	7.423	147	174,1
2013	138.451	142.367	102,8	116,3	6.890	11.871	172,3	159,9
2014	143.800	217.915	151,5	153,1	11.000	14.433	131,2	121,6
2015	215.100	287.989	133,9	132,2	17.300	17.910	103,5	124,1
2016	275.000	345.075	125,5	119,8	24.898	27.681	111,2	154,6



Đối với thuế TNDN, hằng năm Chi cục đều hoàn thành và vượt dự toán năm của Chi cục, cụ thể: năm 2015 tổng thu thuế TNDN đạt 103,5% dự toán và bằng 124,1% so năm 2014; năm 2016 tổng thu thuế TNDN là 27.681 triệu đồng đạt 111,2% so với dự toán. Số đã đạt được số thu đó là do từ năm 2014 Chi cục bắt đầu tăng cường công tác kiểm tra chuyên đề, đặc biệt ở các ngành nghề có rủi ro về thuế cao.

#### **2.4.2. Kết quả công tác quản lý kê khai thuế TNDN**

Năm 2012 Chi cục thuế đã thực hiện xử phạt 83 lượt đơn vị với tổng số tiền là 89,27 triệu đồng và đã đôn đốc nộp vào NSNN, đến năm 2016 có 37 lượt đơn vị vi phạm với tổng số tiền là 50,68 triệu đồng, việc chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế đang có xu hướng giảm dần nhờ sự ý thức trong chấp hành nghĩa vụ thuế của NNT cũng như sự theo dõi và rà soát ngày một chặt chẽ hơn.

#### **2.4.3. Kết quả công tác kiểm tra**

**Bảng 2.4: Kết quả công tác kiểm tra thuế 2012 – 2016**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
1	Số DN đã kiểm tra	172	186	217	277	342
	<i>Tỷ lệ DN đã kiểm tra</i>	17%	17%	17%	17%	17%
2	Số DN phát hiện có sai phạm	125	143	198	210	267
	<i>Tỷ lệ % DN kiểm tra có sai phạm</i>	73%	77%	91%	76%	78%
3	Số thuế tăng thêm qua kiểm tra ( <i>triệu đồng</i> )	1.996	3.296	6.310	6.056	7.045
	<i>Trong đó thuế TNDN</i>	1.225	2.105	3.128	3.782	4.789

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
4	Số thuế TNDN truy thu bình quân 1 cuộc kiểm tra (triệu đồng)	7,12	11,32	14,41	13,65	14,00
5	Tỷ lệ số thuế TNDN truy thu qua kiểm tra	17%	18%	22%	21%	17%

Tổng số thuế tăng thêm hằng năm qua kiểm tra rất lớn, năm 2015 trên 6 tỷ đồng, năm 2016 trên 7 tỷ đồng.

Số thuế TNDN truy thu qua công tác kiểm tra đã đóng góp một phần không nhỏ vào thực hiện dự toán thu thuế TNDN, năm 2014 số thuế TNDN truy thu qua công tác kiểm tra đã đóng góp 22%, năm 2015 đóng góp 21% vào tổng thu thuế TNDN, chứng tỏ số thuế TNDN tăng thêm qua kiểm tra ngày càng lớn, một phần do Chi cục thuế quận Cẩm Lệ đã tập trung kiểm tra các DN kê khai lỗ bước đầu đã có tác dụng, đánh động đến các DN thường xuyên khai lỗ.

#### **2.4.4. Kết quả công tác quản lý nợ thuế TNDN**

Tổng số nợ thuế qua các năm có sự biến động rất lớn, năm 2014 tăng 67%; năm 2015 tăng 50%. Nguyên nhân nợ đọng tăng cao từ năm 2014 là do tình hình nợ ảo phát sinh khi áp dụng hệ thống TMS vào công tác quản lý nợ.

Xét về tỷ lệ nợ thuế TNDN trên tổng thu thuế TNDN: năm 2014 là 36%, qua năm 2016 giảm còn 21%, tỷ lệ nợ thuế TNDN của Chi cục vẫn còn cao, cao hơn rất nhiều so với con số 5% tiêu chuẩn mà Tổng cục thuế giao cho.

#### **2.4.5. Chất lượng dịch vụ cung cấp cho người nộp thuế**

Chi cục thuế Cẩm Lệ thực hiện phát phiếu điều tra mức độ hài lòng về chất lượng dịch vụ cung cấp của CQT năm 2016.

Kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá chung về mức độ hài lòng của

tổ chức, công dân: 99,1% hài lòng, 0.89% chưa hài lòng cần khắc phục. Nhìn chung các ý kiến chưa hài lòng chủ yếu về chất lượng đường truyền kém hay xảy ra hiện tượng nghẽn mạng khi nhiều người truy cập, quy trình giải quyết hồ sơ chưa thực sự hợp lý cần cải tiến thêm, thủ tục hồ sơ còn rườm rà và thời gian giải quyết hồ sơ vẫn còn lâu.

## **2.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG HẠN CHẾ CÒN TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ**

### **2.5.1. Những kết quả đạt được trong công tác quản lý thuế TNDN**

- Số thu thuế TNDN thực hiện năm sau luôn cao hơn năm trước ít nhất là 10%.

- Tỷ lệ nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn chiếm trên 95% số hồ sơ khai thuế đã nộp.

- Công tác kiểm tra thuế được đẩy mạnh mang lại nguồn thu lớn cho NSNN, đặc biệt thuế TNDN qua kiểm tra chiếm trên 50% số thuế tăng thêm qua kiểm tra, đóng góp trên 20% số thu vào thực hiện dự toán thu thuế TNDN của Chi cục thuế quận Cẩm Lệ.

### **2.5.2. Những hạn chế và nguyên nhân**

#### ***a. Những hạn chế***

- Công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế TNDN tại CQT đạt kế hoạch về số lượng hồ sơ cần rà soát. Tuy nhiên, chất lượng rà soát hồ sơ chưa cao, chưa trọng tâm.

- Chức năng các đội còn chồng chéo như: công tác kiểm tra nội bộ được xem là chức năng riêng nhưng lại là nhiệm vụ của đội kiểm tra.

- Tình hình nợ thuế TNDN vẫn còn cao vượt 5% theo quy định chung toàn ngành.

- Các biện pháp cưỡng chế nợ thuế nói chung và nợ thuế TNDN nói riêng chưa thực sự phù hợp.

- Phát sinh nợ ảo khi hệ thống TMS tự động ghi nhận, làm tăng gánh nặng về việc hạ thấp tỷ lệ nợ thuế TNDN.

### ***b. Nguyên nhân***

#### ***- Những nguyên nhân từ phía cơ quan thuế:***

Chi cục chỉ mới áp dụng những quy trình cũng như những quy định theo pháp luật, chưa có sự cải thiện, làm mới phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế còn ở mức thấp.

#### ***- Những nguyên nhân từ phía Người nộp thuế:***

Các DN thường xuyên thay đổi kế toán, do vậy, công tác kế toán bị ảnh hưởng từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Một số DN công tác kế toán không được quan tâm đúng mức, lưu trữ hồ sơ tài liệu không đảm bảo.

#### ***- Những nguyên nhân từ cơ chế chính sách thuế:***

Việc thay đổi liên tục các quy định về chính sách thuế phần nào gây tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN gián tiếp ảnh hưởng đến số thu thuế.

#### ***- Nguyên nhân từ các cơ quan và tổ chức có liên quan:***

Tại địa phương, các cơ quan chức năng có liên quan như: công an, sở kế hoạch đầu tư, ngân hàng đôi lúc thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với Chi cục trong việc cung cấp thông tin và áp dụng các biện pháp hỗ trợ để thu đầy đủ, kịp thời số thuế TNDN vào NSNN.

### **CHƯƠNG 3**

## **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ**

### **3.1. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ**

#### **3.1.1. Mục tiêu quản lý thuế TNDN**

Khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý thuế TNDN như việc các chức năng quản lý còn chồng chéo, số lượng cán bộ chưa đảm bảo, số nợ đọng cao hơn mức 5% ngành giao... Nhằm hướng đến một cơ chế quản lý theo cơ chế minh bạch, đơn giản, dễ thực hiện dựa trên ba nền tảng cơ bản: thể chế chính sách thuế minh bạch, quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản; nguồn nhân lực có chất lượng, liêm chính; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại.

#### **3.1.2. Phương hướng quản lý thuế TNDN**

Thu NSNN trong năm 2017 và những năm tiếp theo đạt và vượt dự toán giao và trong cả nhiệm kỳ bình quân tăng thu từ 10%. Chi cục thuế tập trung tăng cường chỉ đạo công tác rà soát nợ và cưỡng chế nợ thuế, đảm bảo tổng số nợ thuế không vượt quá 5% tổng thu ngân sách năm 2016. Đảm bảo các DN trên địa bàn nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế không có tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, mua bán hóa đơn diễn ra.

### **3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ**

#### **3.2.1. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra**

*Nâng cao chất lượng rà soát, phân tích hồ sơ khai thuế trước khi đi kiểm tra*

Trước khi tiến hành kiểm tra tại DN từng đoàn kiểm tra phải thực hiện phân tích hồ sơ khai thuế, báo cáo tài chính, kết hợp với dữ liệu quản lý thuế của ngành xác định nội dung trọng tâm, trọng điểm để phân công cho từng thành viên của đoàn kiểm tra phân tích.

*Hạn chế sự chồng chéo trong công tác kiểm tra, thanh tra thuế*

Phối hợp với các cơ quan kiểm toán, thanh tra tài chính, thanh tra Cục thuế... phân định rõ chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan thanh tra, kiểm tra để tránh tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, gây phiền hà và ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của NNT.

*Tách bạch công tác kiểm tra nội bộ*

Để kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của từng bộ phận cần phải có một lực lượng riêng chuyên làm công tác kiểm tra nội bộ để đảm bảo tính công bằng, minh bạch.

### **3.2.2. Kế hoạch hóa công tác quản lý nợ**

*Dự đoán khả năng thanh toán nợ để lập kế hoạch quản lý phù hợp*

Để giảm nợ thuế và ngăn ngừa chuyển thành nợ khó thu cần nắm bắt tình hình tài chính của NNT, thu thập thông tin và mở sổ theo dõi riêng để dự đoán khả năng trả nợ thực tế, biết thời gian nào NNT có khả năng thanh toán nợ để có biện pháp thu nợ thích hợp, kịp thời.

*Đa dạng hóa và áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế phù hợp*

Chi cục có thể phối hợp với Viễn thông triển khai dịch vụ nhắn tin đôn đốc nộp tiền nợ thuế, tiền phạt chậm nộp đến số điện thoại của người đứng đầu DN.

*Xóa nợ ảo và nợ không có khả năng thu hồi*

Thường xuyên đối chiếu nợ với NNT và lập báo cáo gửi Tổng cục thuế điều chỉnh những trường hợp phát sinh nợ ảo trên hệ thống TMS để giảm áp lực chỉ tiêu nợ thuế tại Chi cục.

*Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận trong công tác quản lý nợ*

### **3.2.3. Tiếp tục xây dựng hệ thống thông tin quản lý thuế**

*Xây dựng hệ thống thông tin về NNT* để làm cơ sở xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của NNT tại Chi cục, thông tin NNT phải thu thập từ nhiều nguồn, nhiều kênh và hình thức khác nhau.

*Tổ chức triển khai phần mềm ứng dụng phân tích thông tin rủi ro (TPR)*

*Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế*

+ Ứng dụng CNTT trong nội bộ ngành thuế: như ứng dụng CNTT tại cơ quan thuế và ứng dụng kết nối dữ liệu giữa các cơ quan thuế với nhau.

+ Ứng dụng CNTT trung gian trao đổi dữ liệu ngành thuế với bên ngoài, hiện có ứng dụng trao đổi giữa cơ quan thuế, Cục hải quan và Kho bạc.

+ Ứng dụng CNTT cung cấp dịch vụ thuế điện tử.

### **3.2.4. Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền-hỗ trợ người nộp thuế**

Hiện tại, chi cục chưa có trang thông tin điện tử riêng, chi cục nên thiết kế một trang web riêng hay có thể kết hợp với trang web của UBND quận Cẩm Lệ công khai các thủ tục hành chính, những chính sách thuế, đưa bản tin để NNT có thể tra cứu, tìm hiểu về chính sách thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng.

### **3.2.5. Tăng cường quản lý công tác đăng ký, kê khai thuế**

Tổ chức kiểm tra 100% hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế. Theo dõi, giám sát và nắm bắt kịp thời số DN thành lập mới, tạm nghỉ kinh doanh, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, bỏ kinh doanh để lập bộ danh bạ phân giao cho các cán bộ quản lý theo dõi, nên phân giao cán bộ theo dõi theo địa bàn để thuận tiện cho việc rà soát và theo dõi DN.

### **3.2.6. Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác quản lý thuế**

Thành lập các đoàn kiểm tra chống thất thu và phòng chống mua bán hóa đơn liên ngành trong các lĩnh vực nhà hàng, khách sạn và xăng dầu... những ngành nghề có tiềm ẩn rủi ro về thuế cao.

## **3.3. KIẾN NGHỊ**

Để tất cả giải pháp đề xuất nêu trên đều có thể đi vào thực tiễn và áp dụng có hiệu quả, đồng bộ, bên cạnh việc chủ động vận dụng sáng tạo các nguồn lực sẵn có của các Chi cục thuế rất cần sự phối hợp tích cực của các lực lượng chính trị tại địa phương và nhất là sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan quản lý cấp trên.

### **3.3.1. Kiến nghị đối với Tổng cục Thuế**

Ngành thuế tiếp tục thực hiện một số giải pháp, trong đó tập trung nghiên cứu giảm số lượng kê khai và nộp thuế; rà soát bãi bỏ các thủ tục, chỉ tiêu quá rườm rà khi yêu cầu DN kê khai nộp thuế.

#### **3.3.3. Kiến nghị đối với các cơ quan chức năng đóng trên địa bàn**

- Cần sự chủ động phối hợp của các Ngân hàng thương mại, Kho bạc nhà nước để thực hiện trích, chuyển tiền từ tài khoản của NNT và bên thứ 3 vào NSNN theo quyết định cưỡng chế của CQT.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở tài nguyên môi trường,



Kế hoạch - Đầu tư, Công an, Cục hải quan, Sở công thương, Thanh tra của Cục thuế, Kiểm soát, Tòa án...trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hành vi gian lận về nhãn hiệu hàng hóa, gian lận thương mại, trốn thuế của NNT, trong công tác đơn độc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ thuế đạt hiệu quả cao.

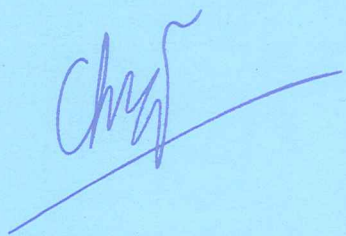
## KẾT LUẬN

Từ việc phân tích, đánh giá thực trạng tình hình quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ luận văn đã chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những nguyên nhân, hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý thuế TNDN tại địa bàn: Dù công tác đôn đốc nợ thường xuyên và có kết quả tốt nhưng tình hình nợ đọng vẫn còn cao; số vi phạm qua công tác kiểm tra còn nhiều; chức năng các Đội còn chồng chéo; thiếu hụt về đội ngũ cán bộ, công chức thuế; hệ thống thông tin quản lý NNT còn nhiều bất cập...

Để giải quyết những vấn đề hạn chế trên và hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN Chi cục thuế quận Cẩm Lệ nên: Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kế hoạch hóa công tác quản lý nợ, Giám sát chặt kê khai của NNT, xây dựng hệ thống thông tin quản lý thuế, tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền-hỗ trợ NNT và tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác quản lý thuế.

Luận văn đã đặt ra và giải quyết các vấn đề còn hạn chế tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ bằng việc đề xuất các giải pháp thực tiễn và phù hợp với mục tiêu chung của Ngành và mục tiêu đặt ra của Chi cục thuế quận Cẩm Lệ trong giai đoạn hiện nay. Hy vọng kết quả nghiên cứu luận văn có thể được triển khai áp dụng thực tế vào công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ trong thời gian tới.

Khoa quản lý chuyên ngành tài kiểm tra và xác nhận:

A handwritten signature in blue ink, consisting of the characters 'Lâm Chí Dũng' written in a cursive style, with a long horizontal stroke extending to the right from the end of the signature.

PGS.TS. Lâm Chí Dũng